

Số: /TTr-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 7 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc chủ trương đầu tư Dự án Đo đạc bản đồ, kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu khu vực đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Triệu Sơn

Kính gửi: Thường trực Huyện uỷ Triệu Sơn.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đo đạc bản và bản đồ ngày 14/6/2018;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 Quy định chi tiết sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/4/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 quy định về bản đồ địa chính; số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20/7/2017 quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; số 24/2018/TT-BTNMT ngày 25/11/2018 quy định về công tác kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; số 05/2017/TT-BTNMT ngày 25/04/2017 quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; số 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Căn cứ Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh về việc Ban hành bộ đơn giá sản phẩm đo đạc bản đồ địa chính, đăng ký đất

đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 25/06/2019 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh Thanh Hoá ban hành bộ đơn giá sản phẩm đo đạc bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 của Thủ tướng chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 4, về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 do huyện Triệu Sơn quản lý;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND huyện về việc ban hành Chương trình công tác năm 2022 của UBND huyện;

Căn cứ Thông báo số 563-TB/HU ngày 26/5/2022 của Huyện ủy Triệu Sơn, thông báo Kết luận của Ban thường vụ Huyện ủy tại phiên họp thường kỳ tháng 5/2022.

UBND huyện báo cáo và trình Thường trực Huyện ủy như sau:

Ngày 26/5/2022, Huyện ủy Triệu Sơn đã ban hành Thông báo số 563-TB/HU, thông báo Kết luận của Ban thường vụ Huyện ủy tại phiên họp thường kỳ tháng 5/2022; theo đó: Thống nhất chủ trương đề UBND huyện lập Đề án Đo đạc bản đồ, kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu khu vực đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện, báo cáo Thường trực Huyện ủy, Thường vụ Huyện ủy và HĐND huyện thống nhất để tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tổ chức thực hiện; UBND huyện đã xác định cụ thể mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, khối lượng thực hiện đo vẽ bản đồ, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đến từng thửa đất đối với diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn 16 xã, thị trấn; tổng kinh phí thực hiện: Khoảng 6.953 triệu đồng; thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2023.

Theo quy định tại Mục IV, Phần C (Nhóm C), Phụ lục I, kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, thì công tác Đo đạc bản đồ, kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu khu vực đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện là Dự án đầu tư công, thuộc Nhóm C.

Từ những cơ sở nêu trên; UBND huyện kính trình Thường trực Huyện ủy thống nhất chủ trương thực hiện Dự án Đo đạc bản đồ, kê khai đăng ký cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu khu vực đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện, với những nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Đo đạc bản đồ, kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu khu vực đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Triệu Sơn.

2. Dự án nhóm: C.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư: HĐND huyện Triệu Sơn.

4. Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Sơn.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Trên địa bàn 16 xã, thị trấn, gồm: Bình Sơn, Dân Lực, Hợp Lý, Hợp Thành, Hợp Thắng, Hợp Tiến, Minh Sơn, Thái Hòa, Thọ Bình, Thọ Cường, Thọ Sơn, Thọ Tân, Thọ Tiến, Triệu Thành, Vân Sơn và thị trấn Nưa.

6. Dự kiến tổng mức đầu tư: Khoảng: 6.953 triệu đồng.

7. Nguồn vốn: Từ nguồn thu tiền sử dụng đất của ngân sách huyện (theo Văn bản số 4863/STC-QLNS ngày 15/11/2018 của Sở Tài chính Thanh Hóa).

8. Ngành, lĩnh vực sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Đo đạc bản đồ, quản lý đất đai.

9. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2023.

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Đo đạc bản đồ, kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu khu vực đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Triệu Sơn.

Kính trình Thường trực Huyện uỷ thống nhất chủ trương, đề UBND huyện trình HĐND huyện phê chuẩn chủ trương đầu tư Dự án và thực hiện các công việc tiếp theo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đ/c Lê Phú Quốc, PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đức Kính

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO

Đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Đo đạc bản đồ, kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu khu vực đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Triệu Sơn

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /7/2022 của UBND huyện)

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Đo đạc bản đồ, kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu khu vực đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Triệu Sơn.
2. Dự án nhóm: C.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư: HĐND huyện Triệu Sơn.
4. Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Sơn
5. Địa điểm thực hiện dự án: Trên địa bàn 16 xã, thị trấn, gồm: Bình Sơn, Dân Lực, Hợp Lý, Hợp Thành, Hợp Thắng, Hợp Tiến, Minh Sơn, Thái Hòa, Thọ Bình, Thọ Cường, Thọ Sơn, Thọ Tân, Thọ Tiến, Triệu Thành, Vân Sơn và thị trấn Nưa.
6. Dự kiến tổng mức đầu tư: Khoảng: 6.953 triệu đồng.
7. Nguồn vốn: Từ nguồn thu tiền sử dụng đất của huyện (theo Văn bản số 4863/STC-QLNS ngày 15/11/2018 của Sở Tài chính Thanh Hóa).
8. Ngành, lĩnh vực sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Đo đạc bản đồ, quản lý đất đai.
9. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2023.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết của dự án

Hệ thống hồ sơ địa chính có vai trò hết sức quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, là cơ sở pháp lý cung cấp thông tin có liên quan để thực hiện có hiệu quả các hoạt động: Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký biến động, xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Triệu Sơn là huyện điểm xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính của tỉnh, tuy nhiên khu vực đất lâm nghiệp chưa được xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, nên hệ thống cơ sở dữ liệu của huyện chưa đồng bộ. Hệ thống bản đồ, hồ sơ địa chính về đất lâm nghiệp tại địa phương đang ở dạng giấy dẫn đến những khó khăn trong tra cứu thông tin và cập nhật biến động về sử dụng đất.

Quá trình sử dụng đất lâm nghiệp, nhân dân đã thực hiện việc chuyển nhượng, chuyển đổi nhưng hồ sơ địa chính đất lâm nghiệp chưa được cập nhật chỉnh lý kịp thời, dẫn đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ địa chính không còn phù hợp với thực tế sử dụng đất, gây khó khăn cho công tác quản lý Nhà nước về đất lâm nghiệp tại địa phương.

Để việc quản lý, sử dụng đất hợp lý, có hiệu quả và bền vững khu vực đất lâm nghiệp đang là vấn đề quan tâm, là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, là một trong các nhu cầu cần thiết của ngành tài nguyên môi trường nói chung và của huyện nói riêng. Cùng với đó là công tác quản lý nhà nước về đất lâm nghiệp một cách chặt chẽ theo hệ thống tư liệu mang tính khoa học kỹ thuật cao, cần thiết phải xác định ranh giới, đo đạc ranh giới và lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu vực đất lâm nghiệp đồng bộ với hệ thống thông tin địa chính toàn tỉnh.

Từ những nội dung trên, để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của các ngành, người dân và doanh nghiệp, phục vụ cho việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương..., thì việc xây dựng Đề án “Đo đạc bản đồ, kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập cơ sở dữ liệu đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Triệu Sơn” là cần thiết.

2. Quan điểm, mục tiêu và quy mô phạm vi thực hiện của dự án

2.1. Quan điểm

Đo đạc bản đồ, kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu khu vực đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Triệu Sơn phải theo quan điểm:

- Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp đến từng hộ gia đình, cá nhân có đất lâm nghiệp.
- Thông tin dữ liệu quản lý đất đảm bảo tính chính xác, đầy đủ đáp ứng được sự biến động đất đai trong quá trình sử dụng.
- Bảo đảm cung cấp, chia sẻ và khai thác thông tin đầy đủ, kịp thời, thuận tiện đáp ứng yêu cầu của các xã, thị trấn, của huyện và các sở, ban, ngành cấp tỉnh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng. Là cơ sở cho công tác phân tích, xử lý, tổng hợp tạo ra các sản phẩm dịch vụ phục vụ quản lý nhà nước, chuyên môn, nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển chung của ngành tài nguyên môi trường.
- Là cơ sở để xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; duy trì và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai.

2.2. Mục tiêu

2.2.1. Mục tiêu tổng quát

Đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng và hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. Hiện đại hóa hệ thống quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất

đai nói chung và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thành việc rà soát, xác định nguồn gốc sử dụng đất, phân định ranh giới thực tế của các đối tượng đang quản lý, sử dụng (lồng ghép với rà soát ranh giới pháp lý đã được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất).

- Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, dữ liệu cho việc xử lý kịp thời các vi phạm về quản lý, sử dụng đất; phát hiện những tồn tại, bất cập, đề xuất các giải pháp, chính sách để xử lý và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp; đề xuất giải pháp, xây dựng lộ trình giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp đất đai, thu hồi tài sản, đất đai và tài chính cho nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Hoàn thiện thủ tục, hồ sơ giao đất, cho thuê đất đồng bộ, thống nhất với ranh giới đất trên thực địa; hoàn thành việc đăng ký, cấp Giấy chứng nhận, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với đất lâm nghiệp.

2.3. Phạm vi thực hiện

Đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ 1:5000 khu vực đất lâm nghiệp, kê khai đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu khu vực đất lâm nghiệp trên địa bàn 16 xã, thị trấn: Bình Sơn, Dân Lực, Hợp Lý, Hợp Thành, Hợp Thắng, Hợp Tiến, Minh Sơn, Thái Hòa, Thọ Bình, Thọ Cường, Thọ Sơn, Thọ Tân, Thọ Tiến, Triệu Thành, Vân Sơn.

2.4. Quy mô thực hiện

Khối lượng công tác đo đạc bản đồ địa chính, kê khai đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai trên địa bàn 16 xã, thị trấn, như sau:

- Xây dựng lưới địa chính: 62 điểm.
- Đo đạc, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/5.000 với tổng diện tích 6.643,6 ha.
- Kê khai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 3.889 giấy.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính khu vực đất lâm nghiệp: 8.556 thửa.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và nguồn vốn để thực hiện dự án

3.1. Dự kiến tổng mức đầu tư: Khoảng: 6.953 triệu đồng.

Nguồn vốn: Từ nguồn thu tiền sử dụng đất của huyện (theo Văn bản số 4863/STC-QLNS ngày 15/11/2018 của Sở Tài chính Thanh Hóa).

3.2. Phân kỳ đầu tư

- Năm 2022: 200 triệu đồng (chuẩn bị đầu tư).
- Năm 2023: 5.753 triệu đồng (thanh toán khối lượng hoàn thành và chi phí khác).
- Năm 2024: 1.000 triệu đồng (thanh toán theo quyết toán được duyệt).

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện dự án

4.1. Năm 2022: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và lựa chọn đơn vị đo đạc bản đồ.

4.2. Năm 2023: Đo đạc bản đồ, kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập cơ sở dữ liệu đất lâm nghiệp trên địa bàn 16 xã, thị trấn.

5. Xác định chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành sau khi dự án kết thúc: Không.

6. Phân tích, đánh giá tác động về môi trường, kinh tế - xã hội, hiệu quả trong đầu tư dự án

6.1. Đánh giá hiệu quả về kinh tế - xã hội

Đo đạc bản đồ, kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu khu vực đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện có mục tiêu tăng cường năng lực công tác quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực đất đai trên địa bàn huyện. Thực hiện tốt dự án sẽ trực tiếp mang lại lợi ích kinh tế - xã hội, cụ thể:

- Tin học hóa công tác quản lý đất lâm nghiệp sẽ làm cho quy trình quản lý có hệ thống, chuyên nghiệp hơn, phù hợp với xu thế phát triển công nghệ thông tin của thời đại.

- Giảm thiểu chi phí của việc thực hiện thủ công do áp dụng hệ thống thông tin vào thực tế các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến công tác quản lý đất lâm nghiệp.

- Dự án được thực hiện sẽ duy trì cập nhật thông tin về đất lâm nghiệp, biến động đất lâm nghiệp và các nghiệp vụ liên quan. Điều này sẽ tiết kiệm kinh phí không nhỏ để thực hiện các chương trình thống kê định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các đơn vị chức năng và đảm nhiệm được các công việc đó một cách nhanh chóng, chính xác.

- Sử dụng hệ thống thông tin trong công tác quản lý đất lâm nghiệp, nên có thể tham mưu tốt hơn cho các cấp lãnh đạo để có những quyết sách, hành động kịp thời, chính xác đối với công tác quản lý đất lâm nghiệp.

- Người dân sẽ dễ dàng tiếp cận với thông tin, quy trình làm việc của cơ quan nhà nước, từ đó thúc đẩy tính minh bạch, tính trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với công tác quản lý đất lâm nghiệp; hạn chế tiêu cực trong công tác quản lý đất lâm nghiệp.

- Việc người dân và các tổ chức có thể tiếp cận được với thông tin đất lâm nghiệp, với giá trị kinh tế rất lớn của thông tin đất đai và một hành lang pháp lý đầy đủ, sẽ là tiền đề cho việc thu phí từ thông tin đất đai. Nguồn kinh phí này một phần sẽ dành để tái đầu tư cho chính hệ thống thông tin đất đai. Như vậy, sẽ giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước trong việc duy trì “sức sống” cho cơ sở dữ liệu đất lâm nghiệp, phù hợp với chủ trương kinh tế hóa ngành tài nguyên môi trường.

6.2. Đánh giá tác động đối với cải cách hành chính

- Thay đổi cách làm việc từ thủ công sang sử dụng hệ thống thông tin, tăng cường tính hiệu quả trong công tác quản lý đất lâm nghiệp, hướng tới chính phủ điện tử.

- Sử dụng hệ thống thông tin sẽ làm giảm thiểu sự phức tạp, phiền nhiễu với người dân trong công tác quản lý đất lâm nghiệp; giảm thời hạn thực hiện các quy trình và đảm bảo thời gian tính của các quy trình thực hiện trong công tác quản lý đất lâm nghiệp.

6.3. Đánh giá về hiệu quả chính trị

Đo đạc bản đồ, kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu khu vực đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện, để tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước đối với công tác quản lý đất lâm nghiệp, hỗ trợ đưa ra các định hướng, quyết sách và hành động cụ thể một cách chính xác, đúng luật từ đó giảm thiểu các tranh chấp, khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo về đất đai, góp phần tăng cường lòng tin của nhân dân đối với cơ quan nhà nước.

6.4. Đánh giá tính bền vững

- Đo đạc bản đồ, kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu khu vực đất lâm nghiệp là nhiệm vụ cần thiết được đặt ra với ngành tài nguyên môi trường huyện, để đẩy mạnh tính hiệu quả của công tác quản lý đất lâm nghiệp. Vì vậy đây là điều kiện tiên quyết đảm bảo tính bền vững của dự án.

- Nghiệp vụ về công tác quản lý đất lâm nghiệp tương đối rõ ràng, có thể tin học hóa qua ứng dụng phần mềm. Cán bộ thực hiện công tác quản lý đất đai tại huyện hầu hết đều có kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ tốt, mặt khác đều sử dụng thành thạo máy tính và các ứng dụng phần mềm thông thường. Đây là điều kiện để dự án có thể xây dựng thành công và triển khai hiệu quả phục vụ công việc thực tế.

- Đo đạc bản đồ, kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp là một nhu cầu tất yếu trong quá trình phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin ngành tài nguyên môi trường. Qua đó, công tác quản lý đất đai được duy trì ở mức chuyên nghiệp, ổn định và hiệu quả.

7. Phân chia các dự án thành phần: Không.

8. Giải pháp tổ chức thực hiện

8.1. Thực hiện tốt công tác Phối hợp thực hiện giữa các đơn vị

8.1.1. Đơn vị đo đạc bản đồ, kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu

- Tổ chức thi công theo đúng Thiết kế kỹ thuật - dự toán được duyệt, đúng quy trình, quy phạm hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về toàn bộ sản phẩm do đơn vị thực hiện trước chủ đầu tư và pháp luật. Bố trí nhân lực, trang

thiết bị, máy móc để thực hiện khối lượng công việc đảm bảo thời gian, khối lượng, chất lượng theo quy định của Thiết kế kỹ thuật - dự toán: gồm các hạng mục công việc được nêu trong phần thiết kế kỹ thuật và việc hoàn thiện, giao nộp sản phẩm cuối cùng.

- Phối hợp chặt chẽ với UBND các xã, thị trấn và UBND huyện trong quá trình thực hiện; xây dựng kế hoạch thực hiện, báo cáo số lượng cán bộ tham gia, cán bộ phụ trách (địa chỉ, điện thoại liên lạc) và dự kiến thời gian hoàn thành khối lượng từng công đoạn, thời gian bàn giao sản phẩm cho địa phương tổ chức đăng ký, xét duyệt, cấp giấy chứng nhận, hoàn thiện hồ sơ địa chính.

8.1.2. UBND các xã, thị trấn

- Tổ chức tuyên truyền chủ trương và kế hoạch thực hiện công tác đo đạc bản đồ, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, đến các thôn, các tổ chức, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn.

- Cử Công chức Địa chính - Xây dựng phối hợp chặt chẽ với Đơn vị đo đạc bản đồ: Xây dựng kế hoạch đo đạc bản đồ, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính của các xã; xác định phạm vi địa giới hành chính, khu vực đo vẽ bản đồ của địa phương; xác định ranh giới thửa đất ngoài thực địa, yêu cầu các chủ sử dụng đất cung cấp các tài liệu, giấy tờ liên quan đến thửa đất, ký xác nhận và chịu trách nhiệm về thông tin kê khai (mục đích sử dụng, tên chủ sử dụng đất...) trong biên bản bàn giao kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất.

- Thành lập Tổ công tác do chủ tịch UBND xã làm tổ trưởng để: Giải quyết triệt để các vấn đề tranh chấp, lấn chiếm về đất đai trước khi thực hiện đo vẽ, lập bản đồ địa chính; tổ chức xác định nguồn gốc đất, xét duyệt hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập danh sách các trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xác nhận vào đơn xin cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận.

- Thường xuyên báo cáo tiến độ, đề xuất cấp trên giải quyết những trường hợp ngoài thẩm quyền.

- Tạo điều kiện thuận lợi về nơi ăn, ở, sinh hoạt và làm việc cho đơn vị thi công hoàn thành nhiệm vụ.

- Ký xác nhận tài liệu, số liệu khi hoàn thành công trình; quản lý và sử dụng sản phẩm đo đạc bản đồ, hồ sơ địa chính khi được bàn giao theo quy định của pháp luật

8.1.3. UBND huyện Triệu Sơn

- Triển khai kế hoạch đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính địa chính đến các xã, thị trấn.

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn, thực hiện đúng theo kế hoạch về công tác đo đạc thành lập bản đồ địa chính, kê khai đăng ký, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất.

- Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Cung cấp tài liệu về quy hoạch các công trình, dự án, lộ giới, chỉ giới giao thông đường bộ, đường sông, các quyết định của UBND tỉnh về quản lý, sử dụng đất trên địa bàn cho Đơn vị đo đạc bản đồ; tham mưu cho UBND huyện tổ chức giao ban định kỳ với UBND các xã, thị trấn và Đơn vị đo đạc bản đồ, đề kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

+ Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, Đơn vị đo đạc bản đồ, thực hiện đúng kế hoạch về công tác đo đạc thành lập bản đồ địa chính, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính.

+ Tổ chức kiểm tra nghiệm thu kết quả đo đạc bản đồ, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính; thẩm định và trình Chủ tịch UBND huyện ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

9. Kết luận

Xây dựng hệ thống quản lý sử dụng đất lâm nghiệp hiện đại, hiệu quả tại các xã, thị trấn, góp phần phát triển và ổn định tình hình kinh tế, chính trị xã hội, tạo nền tảng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững gắn với an ninh - quốc phòng; tạo cơ hội hợp tác - phát triển kinh tế. Vì vậy cần thiết tập trung xây dựng đồng bộ từ đo đạc bản đồ, kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất lâm nghiệp, để đáp ứng yêu cầu thực tế của công tác quản lý đất đai, khai thác hiệu quả tiềm năng tài nguyên đất lâm nghiệp, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của các xã, thị trấn, cũng như của huyện.

Kính trình Thường trực Huyện uỷ thống nhất chủ trương, đề UBND huyện trình HĐND huyện phê chuẩn chủ trương đầu tư Dự án và thực hiện các công việc tiếp theo theo quy định.

DỰ TOÁN TỔNG HỢP

**KINH PHÍ ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH TỶ LỆ 1/5000, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI,
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ XÂY DỰNG CƠ SỞ
DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH KHU VỰC ĐẤT LÂM NGHIỆP HUYỆN TRIỆU SƠN**
(Kèm theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của UBND huyện)

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH				3.758.246.356
1	Xây dựng lưới địa chính				382.514.270
-	Ngoại nghiệp	Điểm	62,0	5.836.364	361.854.568
-	Nội nghiệp	Điểm	62,0	333.221	20.659.702
2	Đo đạc bản đồ địa chính tỷ lệ 1/5000				3.375.732.086
2.1	Đất ngoài khu dân cư				3.323.259.567
-	Ngoại nghiệp	Ha	6.311,4	474.546	2.995.059.386
-	Nội nghiệp	Ha	6.311,4	52.001	328.200.181
2.2	Hệ thống giao thông, đường bộ, đê điều, thủy hệ ngoài khu dân cư				52.472.519
-	Ngoại nghiệp	Ha	332,2	142.364	47.290.411
-	Nội nghiệp	Ha	332,2	15.600	5.182.108
II	CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT				1.216.154.680
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu				209.723.254
-	Các nội dung thực hiện tại địa bàn cấp xã	Hồ sơ	578,0	202.283	116.919.574
-	Các nội dung thực hiện tại địa bàn cấp huyện	Hồ sơ	578,0	138.183	79.869.774
-	Trích lục thửa đất	Hồ sơ			0
-	Các nội dung thực hiện tại địa bàn cấp tỉnh	Hồ sơ	578,0	22.377	12.933.906
2	Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất				1.006.431.426
-	Các nội dung thực hiện tại địa bàn cấp xã	Hồ sơ	3.311,0	155.230	513.966.530
-	Các nội dung thực hiện tại địa bàn cấp huyện	Hồ sơ	3.311,0	126.249	418.010.439
-	Trích lục thửa đất	Hồ sơ			0
-	Các nội dung thực hiện tại địa bàn cấp tỉnh	Hồ sơ	3.311,0	22.487	74.454.457
III	XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH				690.917.154
III.1	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính				402.995.038
1	Công tác chuẩn bị	Thửa			7.417.879

1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL địa chính trên địa bàn thi công	Thừa	8.556	443	3.790.219
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng CSDL địa chính	Thừa	8.556	424	3.627.659
2	Thu thập tài liệu, dữ liệu	Thừa	8.556	1.704	14.579.083
3	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu	Thừa	8.556	5.714	48.887.841
3.2	Rà soát, đánh giá tài liệu, dữ liệu; lập báo cáo kết quả thực hiện	Thừa	8.556	1.375	11.764.225
3.2	Phân loại thửa đất; lập biểu tổng hợp	Thừa	8.556	1.589	13.595.166
3.3	Làm sạch, sắp xếp và đánh số thứ tự theo quy định về hồ sơ địa chính đối với Hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất	Thừa	8.556	2.750	23.528.450
4	Xây dựng dữ liệu không gian địa chính	Thừa			51.634.253
4.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian địa chính	Thừa	8.556	5.605	47.955.259
4.1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian địa chính với nội dung tương ứng trong bản đồ địa chính để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ địa chính	Thừa	8.556	353	3.020.197
4.1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian địa chính chưa phù hợp với quy định kỹ thuật về CSDL đất đai	Thừa	8.556	1.850	15.828.230
4.1.3	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian địa chính theo quy định kỹ thuật về CSDL đất đai	Thừa	8.556	3.402	29.106.832
4.2	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian địa chính từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã	Thừa	8.556	430	3.678.994
4.3	Đối với khu vực chưa có bản đồ địa chính	Thừa		28.684	
4.3.1	Chuyển đổi bản trích đo địa chính theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 vào dữ liệu không gian địa chính	Thừa		8.086	
4.3.2	Chuyển đổi vào dữ liệu không gian địa chính và định vị trên dữ liệu không gian đất đai nền sơ đồ, bản trích đo địa chính chưa theo hệ tọa độ quốc gia	Thừa		13.427	

	VN-2000 hoặc bản đồ giải thửa dạng số				
4.3.3	Quét và định vị sơ bộ trên dữ liệu không gian đất đai nền sơ đồ, bản trích đo địa chính theo hệ tọa độ giả định hoặc bản đồ giải thửa dạng giấy	Thửa		7.171	
4.4	Định vị khu vực dồn điền đổi thửa trên dữ liệu không gian đất đai nền trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu hiện có	Thửa		7.171	
5	Xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính	Thửa			192.171.570
5.1	Kiểm tra tính đầy đủ thông tin của thửa đất, lựa chọn tài liệu theo thứ tự ưu tiên	Thửa	4100	2.546	10.438.600
5.2	Lập bảng tham chiếu số thửa cũ và số thửa mới đối với các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận theo bản đồ cũ nhưng chưa cấp đổi Giấy chứng nhận	Thửa	3.889	1.273	4.950.697
5.3	Nhập thông tin từ tài liệu đã lựa chọn	Thửa			176.782.273
5.3.1	Loại I: Thửa đất loại A (đã được cấp Giấy chứng nhận chưa có tài sản gắn liền với đất) K = 1,0;	Thửa	3.889	28.411	110.490.379
5.3.2	Loại II: Thửa đất loại B (đã được cấp Giấy chứng nhận và có tài sản gắn liền với đất); Thửa đất loại D (Căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại trong nhà chung cư, nhà hỗn hợp đã được cấp Giấy chứng nhận) K = 1,2;	Thửa		34.093	0
5.3.3	Loại III: Thửa đất loại C (Giấy chứng nhận chung cho nhiều thửa đất) hệ số K = 0,5;	Thửa		14.205	0
5.3.4	Loại IV: Thửa đất loại E (chưa được cấp Giấy chứng nhận hoặc không được cấp Giấy chứng nhận) K = 0,5.	Thửa	4.667	14.205	66.291.894
6	Hoàn thiện dữ liệu địa chính	Thửa			28.157.138
6.1	Hoàn thiện 100% thông tin trong CSDL	Thửa	8.556	2.643	22.612.979
6.2	Xuất sổ địa chính (điện tử) theo khuôn dạng tệp tin PDF	Thửa	8.556	648	5.544.158
7	Xây dựng siêu dữ liệu địa chính	Thửa			7.640.329
7.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) địa chính	Thửa	8.556	872	7.460.658
7.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu địa chính cho từng đơn vị hành chính cấp xã	Thửa	8.556	21	179.672
8	Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống (do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện)	Thửa			48.442.940

8.1	Đối soát thông tin của thửa đất trong CSDL với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để xây dựng CSDL	Thửa	8.556	1.563	13.372.715
8.2	Ký số vào sổ địa chính (điện tử)	Thửa	8.556	1.443	12.346.019
8.3	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống theo định kỳ hàng tháng phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng	Thửa	8.556	2.656	22.724.205
9	Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL địa chính (Chuẩn bị tư liệu, tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu; tổng hợp, xác định khối lượng sản phẩm đã thực hiện theo định kỳ hàng tháng, theo công đoạn công trình và khi kết thúc công trình. Lập biên	Thửa	8.556	475	4.064.005
III.2	Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền				232.527.200
1	Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền				147.619.392
1.1	Xử lý biên theo quy định về bản đồ đối với các tài liệu bản đồ tiếp giáp nhau	Xã	16	1.539.729	24.635.664
1.2	Tách, lọc và chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian đất đai nền	Xã	16	3.695.542	59.128.672
1.3	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian đất đai nền từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL	Xã	16	936.681	14.986.896
1.4	Gộp các thành phần tiếp giáp nhau của cùng một đối tượng không gian đất đai nền thành một đối tượng duy nhất phù hợp với thông tin thuộc tính của đối tượng theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã	Xã	16	3.054.260	48.868.160
2	Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền				84.907.808
2.1	Xử lý tiếp biên dữ liệu không gian đất đai nền giữa các đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện liền kề	Xã	16	3.695.542	59.128.672
2.2	Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền vào CSDL đất đai để quản lý, vận hành, khai thác sử dụng	Xã	16	1.611.196	25.779.136
III.3	Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin				55.394.916
1	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất				55.394.916
1.1	Quét trang A3	Trang A3	7.778	2.940	22.867.320
1.2	Quét trang A4	Trang A4	15.556	2.091	32.527.596

2	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	23.334	1.206	28.140.804
3	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	3.889	2.234	8.688.026
IV	CHI KHÁC				656.289.028
1	Lập thiết kế kỹ thuật - dự toán				156.686.656
2	Kiểm tra nghiệm thu				204.001.589
3	Chi phí lựa chọn nhà thầu				21.795.955
-	Lập hồ sơ mời thầu		0,10%		5.665.318
-	Thẩm định hồ sơ mời thầu 0,05%		0,05%		2.832.659
-	Đánh giá hồ sơ dự thầu 0,10%		0,10%		5.665.318
-	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu 0,05%		0,05%		2.832.659
-	Chi phí đăng báo		300.000	16	4.800.000
4	Chi phí quản lý dự án		0,0		176.078.089
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Thông tư 64/2018/TT-BTC)		0,0		36.824.568
6	Chi phí kiểm toán độc lập (Thông tư 64/2018/TT-BTC)		0,0		60.902.171
	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ				6.321.607.218
	THUẾ VAT (10%)				632.160.722
	TỔNG CỘNG				6.953.767.940
	LÀM TRÒN				6.953.768.000